

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **35/2025/DS-ST**
Ngày 22 tháng 4 năm 2025
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp
hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- *Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Y.

2. Bà Châu Bích Phượng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Anh Thư - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 514/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1973.

Cư trú: Tổ I, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị N (tên thường gọi là H1)**, sinh năm 1976.

Cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Phú H1**, sinh năm 1975.

Trú tại: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt bà H; vắng mặt bà N và ông H1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày: Bà là chủ

hội có tổ chức hội tháng và hội ngày. Bà Phạm Thị N là hội viên có tham gia các dây hội do bà tổ chức, cụ thể như sau:

1/ Hội ngày 100.000đồng, khai ngày 08/4/2023 âm lịch (nhằm ngày 26/5/2023 dương lịch), mãn hội ngày 08/7/2023 âm lịch (nhằm ngày 23/8/2023 dương lịch) (90 ngày). Dây hội này đã mãn. Bà N tham gia 07 phần. Dây hội này bà N hốt đầu được số tiền (8.090.000đồng x 07 phần) – 700.000đồng tiền hoa hồng = 55.930.000đồng. Bà giao đủ tiền này cho bà N. Sau đó, bà N đóng hội chết cho bà, còn lại 10 ngày chưa đóng là 10 ngày x 07 phần x 100.000đ/ngày = 7.000.000đồng.

2/ Hội ngày 100.000đồng, khai ngày 15/5/2023 âm lịch (nhằm ngày 02/7/2023 dương lịch), mãn hội ngày 18/8/2023 âm lịch (nhằm ngày 29/9/2023 dương lịch) (91 ngày). Dây hội này đã mãn. Bà N tham gia 06 phần. Dây hội này bà N hốt đầu được số tiền (8.160.000đồng x 06 phần) – 600.000đồng tiền hoa hồng = 48.360.000đồng. Bà giao đủ tiền này cho bà N. Sau đó, bà N đóng hội chết cho bà, còn lại 47 ngày chưa đóng là 47 ngày x 06 phần x 100.000đ/ngày = 28.200.000đồng.

3/ Hội tháng 2.000.000đồng, khai ngày 20/8/2021 âm lịch (nhằm ngày 26/9/2021 dương lịch), mãn hội ngày 20/9/2023 âm lịch (nhằm ngày 03/11/2023 dương lịch), tổng cộng 27 phần. Dây hội này đã mãn. Bà N tham gia 01 phần, đóng được 23 kỳ. Đến kỳ khai hội thứ 4 ngày 20/11/2021 âm lịch (nhằm ngày 23/12/2021 dương lịch) bà N hốt hội được số tiền là 40.500.000đồng trừ 1.000.000đồng tiền huê hồng = 39.500.000đồng. Bà đã giao cho bà N số tiền này thông qua ông Nguyễn Phú H1 (chồng bà N) nhận tiền dùm. Sau đó bà N có đóng hội chết được 23 tháng, còn 04 tháng chưa đóng là 8.000.000đồng.

4/ Hội tháng 1.000.000đồng, khai ngày 15/5/2022 âm lịch (nhằm ngày 13/6/2022 dương lịch), mãn hội ngày 15/5/2024 âm lịch (nhằm ngày 20/6/2024 dương lịch), tổng cộng 26 phần. Bà N tham gia 02 dây, mỗi dây bà chơi 01 phần, cả 02 dây hội này đã mãn.

- Dây thứ nhất bà N hốt hội kỳ khai thứ 2 ngày 15/6/2022 âm lịch (nhằm ngày 13/7/2022 dương lịch) được số tiền 19.240.000đồng – 500.000đồng tiền hoa hồng = 18.740.000đồng. Bà đã giao đủ số tiền này cho bà N, bà N đóng 15 tháng hội chết, còn lại 11 tháng chưa đóng với số tiền là 11.000.000đồng.

- Dây thứ hai bà N hốt hội kỳ khai thứ 3 ngày 15/7/2022 âm lịch (nhằm ngày 13/8/2022 dương lịch) được số tiền 19.940.000đồng – 500.000đồng tiền hoa hồng = 19.440.000đồng. Bà đã giao đủ số tiền này cho bà N, bà N đóng 15 tháng hội chết, còn lại 11 tháng chưa đóng với số tiền là 11.000.000đồng.

5/ Hụi tháng 5.000.000đồng, khai ngày 15/4/2023 âm lịch (nhằm ngày 02/6/2023 dương lịch), mãn hụi ngày 15/3/2025 âm lịch (nhằm ngày 12/4/2025 dương lịch), mỗi dây 24 phần, bà N tham gia cả 02 dây, mỗi dây 01 phần. Bà N hốt dây thứ nhất. Dây này còn đang chơi, còn 06 tháng mãn hụi.

Dây thứ 1, bà N hốt hụi ở kỳ khai hụi đầu tiên, được số tiền là 82.800.000đồng - 2.500.000đồng tiền huê hồng = 80.300.000đồng. Bà giao đủ số tiền này cho bà N. Sau đó bà N đóng lại hụi chết 02 tháng, bà đã choàng cho bà N 15 tháng với số tiền là 75.000.000đồng. Dây hụi này bà N còn thiếu bà số tiền 75.000.000đồng.

Tổng cộng số tiền hụi bà N còn nợ là 140.200.000đồng. Bà đã nhiều lần liên hệ với bà N nhưng bà N vẫn không trả số tiền đã nợ lại cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả cho bà số tiền nợ hụi là 140.200.000đồng. Yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Phạm Thị N vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú H1 vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 8.000.000đồng. Bị đơn bà Phạm Thị N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú H1 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Ngọc H và bà Phạm Thị N là tranh chấp hợp đồng góp hụi, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.2] Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, không có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định: Các dây hụi do bà H tổ chức và bà N tham gia được xác lập dựa trên sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Trong quá trình tham gia thì bà N đã vi phạm nghĩa vụ của hội viên *theo quy định tại Điều 16 Nghị định 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về Hội, họ, biểu, phường*. Trong các dây hội bà N tham gia đều đã hót và lãnh hội đầy đủ từ chủ hội là bà H, nhưng sau đó bà N không đóng lại tiền hội, bà H là chủ hội phải choàng hội (đóng thay) để trả tiền hội cho các hội viên khác khi đến kỳ khai hội. Bà H có cung cấp các chứng cứ là giấy nhận tiền hội có chữ ký và chữ viết tên Phạm Thị N.

[4] Đối với bị đơn bà Phạm Thị N mặc dù đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không có ý kiến gì phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H.

[5] Đối với dây hội tháng 2.000.000đồng, khai ngày 20/8/2021 âm lịch (nhằm ngày 26/9/2021 dương lịch). Danh sách hội viên là N (H1), giấy giao hội là Nguyễn Phú H1 nhận tiền hội số tiền 39.500.000đồng. Dây hội này có 04 kỳ hội bà N chưa đóng. Theo bà H trình bày, ông H1 là chồng bà N, số tiền hót hội thì ông H1 ký nhận, nay bà H lại yêu cầu bà N trả số tiền hội chưa đóng là 8.000.000đồng. Tại phiên toà, bà rút yêu cầu đối với số tiền này, xét đây là sự tự nguyện của bà H nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 8.000.000đồng.

[6] Như vậy, bà N có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hội còn nợ tổng cộng là 132.200.000đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, bà Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% của số tiền bà N có nghĩa vụ là 6.610.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường;

- Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H đối với số tiền 8.000.000đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H.

3. Buộc bà Phạm Thị Ngọc T cho bà Nguyễn Ngọc H số tiền 132.200.000đồng (Một trăm ba mươi hai triệu, hai trăm ngàn đồng).

Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H được trả lại tiền tạm ứng án phí là 3.505.000đồng theo biên lai số 0012094 ngày 13/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

4.2. Bị đơn bà Phạm Thị N phải chịu 6.610.000đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành, TG
 - Các đương sự,
 - Chi cục THADS huyện Châu Thành, TG;
 - TAND tỉnh Tiền Giang.
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Tiên